TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **975**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 788/2026/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Anh P N M**, sinh ngày 30/5/1983; CCCD số: 001083057702; ngày cấp: 14/7/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: Số ** ngách **/* phố B, phường B, thành phố H.

- *Bị đơn:* **Chị T T Tr,** sinh ngày 29/9/1983; CCCD số: 001******836; ngày cấp: 09/10/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: * – CT1 – KĐT V, phường T, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh P N M, sinh năm 1983 và Chị T T Tr, sinh năm 1983.

2. Công nhận sự thoả thuận của Anh P N M và Chị Tr, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh M và Chị Tr cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu P M K (Nam), sinh ngày 03/08/2014 và P M Kh(Nam), sinh ngày 03/10/2017.

Khi ly hôn, Anh M và Chị Tr thống nhất thỏa thuận: Giao cả hai con chung của anh chị cho Chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận việc Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000đồng/tháng/1 con kể từ tháng 08/2026 cho đến khi các con chung của anh chị trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của Anh M.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh M và Chị Tr không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của Anh M chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Anh M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0002376 ngày 28 tháng 07 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5), nay chuyển thành án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội – Phòng thi hành án KV5;
- UBND P.Ba Đình (GCNKH số 30/2014 của UBND P.Điện Biên, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc